

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/ DS-ST
Ngày: 25 tháng 02 năm 2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 11/01/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 26/01/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP BĐLV

Địa chỉ: Tòa nhà ThaiHolding, số 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thê M - Chức vụ Phó trưởng phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TMCP BĐLV - Chi nhánh Bắc Giang (Theo giấy ủy quyền số 188/2021/UQ-PLB.BG ngày 11/10/2021) (Có mặt)

Địa chỉ: Số 389, đường L, phường HVT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Ông Nguyễn Ngọc Y, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (viết tắt: TMCP) Bưu điện Liên Việt - do người đại diện trình bày: Giữa Ngân hàng TMCP BĐLV và bị đơn anh Nguyễn Ngọc Y,

chị Nguyễn Thị Thùy L đã thực hiện ký kết các hợp đồng tín dụng với các thỏa thuận và thực hiện hợp đồng như sau :

1. Ngày 25/5/2018, giữa Ngân hàng TMCP BDLV và vợ chồng bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Nguyễn Ngọc Y ký hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018456 và khế ước nhận nợ số 3002018456/01, số tiền vay là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay là 13%/năm, phương thức áp dụng lãi suất là lãi suất thả nổi, tức là lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng. Lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Phương thức trả nợ gốc, lãi là trả nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế. Thời hạn vay là 60 tháng, ngày đến hạn trả là 25/5/2023, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là trả ngày 25 hàng tháng. Hình thức vay không có tài sản bảo đảm.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà L, ông Y. Bà L, ông Y đã thực hiện trả gốc, lãi theo hợp đồng cho đến ngày 25/01/2019 thì không trả nữa. Số tiền bà L, ông Y đã thanh toán trả cho Ngân hàng là: Số tiền gốc: 29.190.000 đồng; Số tiền lãi: 74.841.106 đồng. Tổng cộng: 104.031.106 đồng

Khoản vay này đến nay còn nợ: Nợ gốc là 220.810.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 56.707.726 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ ngày 25/01/2019, tạm tính đến ngày 14/12/2021 là: 40.818.706 đồng. Lãi phạt do chậm trả lãi bằng: 9.762.112 đồng.

2. Ngày 08/6/2018, giữa Ngân hàng TMCP BDLV và ông Nguyễn Ngọc Y ký hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018500, phương thức cho vay là cấp hạn mức thấu chi, số tiền vay là 50.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay là 13%/năm, phương thức áp dụng lãi suất là tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc thực tế và thời gian vay thực tế (kể cả thời gian gia hạn trừ khi hai bên có thỏa thuận khác), định kỳ 3 tháng điều chỉnh lãi suất một lần theo quy định. Lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm, tức là tính lãi phạt trên số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn chưa trả. Kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc được tự động trả ngay khi tài khoản thanh toán của khách hàng phát sinh giao dịch ghi “Có”. Đối với lãi, Ngân hàng thực hiện tự động hạch toán thu nợ lãi và phí phát sinh vào ngày cuối tháng. Hình thức vay không có tài sản bảo đảm.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng trên cho ông Y vào tài khoản, ông Y đã rút tiền, sử dụng hết hạn mức thấu chi. Trong quá trình từ khi cấp hạn mức đến nay, do ông Y không trả nên nợ Ngân hàng số tiền là: Nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ tiền lãi trong hạn là 18.947.070 đồng; Nợ tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/12/2021 là: 6.296.497 đồng; Tiền lãi phạt là 1.150 đồng.

Tổng số tiền ông Y, bà L nợ theo hai hợp đồng: Nợ gốc là 270.810.000 đồng. Nợ lãi trong hạn là: 75.654.796 đồng; Tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/12/2021 là: 47.115.203 đồng. Tiền lãi phạt do chậm trả lãi là 9.763.262 đồng. Ngân hàng TMCP BDLV là yêu cầu cả hai vợ chồng ông Y, bà L phải trả số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn, lãi phạt nêu trên và yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Thùy L đã được Tòa án gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng, xong không đến Tòa án làm việc, kết quả xác minh hiện nay ông Y, bà L không có mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú. Ông Y, bà L không có bản tự khai nêu quan điểm ý kiến gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thế M trình bày Ngân hàng TMCP BDLV vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông M xác định đối với hợp đồng thứ nhất, bị đơn đã trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền gốc là 29.190.000 đồng; tiền lãi là 74.816.558 đồng và còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 220.810.000; tiền lãi trong hạn là 58.189.626 đồng; lãi quá hạn từ ngày 26/01/2019 đến hết ngày 24/02/2022 là 46.273.079 đồng. Đối với khoản nợ thứ hai theo hợp đồng thấu chi, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ vì vậy khoản vay chuyển thành nợ xấu, toàn bộ tiền gốc, lãi của hợp đồng thấu chi, bao gồm gốc vay ban đầu 50.000.000 đồng, tiền lãi vay tính đến ngày 24/6/2021 là 18.922.522 đồng, tổng là 68.922.522 đồng chuyển sang nhận nợ bắt buộc từ ngày 25/06/2021. Nợ lãi trong hạn được tính từ ngày 25/6/2021 đến ngày 30/6/2021 bằng 13% trên khoản nợ gốc là 24.548 đồng; Từ tháng 7 năm 2021 vì chuyển nhảy nhóm nợ xấu, lãi quá hạn được tính từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 24/02/2022 bằng 150% của lãi trong hạn, tiền lãi bằng 8.947.654 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông Y, bà L nợ cả hai hợp đồng là: Nợ gốc là 289.732.522 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 58.214.174 đồng; Nợ tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 24/02/2022 là: 55.220.733 đồng. Đối với tiền lãi phạt lãi chậm trả của hai hợp đồng trên nay Ngân hàng xin rút không yêu cầu bị đơn phải trả. Yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc, lãi trên và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận tại các hợp đồng kể từ ngày 25/02/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ với Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguY đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do đó HĐXX xét xử vụ án là đúng quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Trên cơ sở lời khai, chứng cứ thu thập được, đề nghị HĐXX áp dụng các điều 26, điều 35; điểm g khoản 1 điều 40 điều 147; điều

184; điều 227; điều 228; điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 429; 463; 466 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Thùy L thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền nợ gốc là là 289.732.522 đồng. Nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là: 113.434.907 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ. Về án phí, vợ chồng ông Y, bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của của Ngân hàng TMCP BDLV cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa ngày 11/01/2022, phiên tòa ngày 26/01/2022, phiên tòa ngày 25/02/2022 không có lý do, do đó HĐXX căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử.

[3]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, các đương sự không tự giải quyết được, Ngân hàng TMCP BDLV có địa chỉ chi nhánh tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu 3, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, các đương sự đã ký kết hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh Bắc Giang, nay nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang nên căn cứ điểm g khoản 1 điều 40 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện vụ án là 3 năm kể từ ngày quyền, nghĩa vụ bị vi phạm, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 25/01/2019, nên xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định.

[5]. Về nội dung tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn trình bày cho thấy, giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh Bắc Giang và bị đơn ông Nguyễn Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Thùy L đã giao kết hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018456 và khế ước nhận nợ số 3002018456/01 ngày 25/5/2018, theo đó thỏa thuận số tiền cho vay là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay là 13%/năm, lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Phương thức trả nợ gốc, lãi là trả nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế. Thời hạn vay là 60 tháng, ngày đến hạn trả là 25/5/2023, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là trả ngày 25 hàng tháng. Hình thức vay không có tài sản bảo đảm. Ngân hàng đã giải ngân cho bà L, ông Y.

- Hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018500 ngày 08/6/2018, phương thức cho vay là cấp hạn mức thấu chi, số tiền vay là 50.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng. Mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay là 13%/năm, lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm, tức là tính lãi phạt trên số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn chưa trả. Kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc được tự động trả ngay khi tài khoản thanh toán của khách hàng phát sinh giao dịch ghi “Có”. Đối với lãi, Ngân hàng thực hiện tự động hạch toán thu nợ lãi và phí phát sinh vào ngày cuối tháng. Hình thức vay không có tài sản bảo đảm. Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng trên cho ông Y vào tài khoản, ông Y đã rút tiền, sử dụng hết hạn mức thấu chi.

Về việc thanh toán: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm hợp đồng tín dụng, sao kê tài khoản thanh toán, dư nợ tính đến ngày 24/02/2022. Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có bản khai nêu quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguY đơn. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, HĐXX xác định giữa Ngân hàng TMCP BDLV và bị đơn Nguyễn Ngọc Y, Nguyễn Thị Thùy L đã giao kết các hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật. Bị đơn đã thực hiện trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là: 29.190.000 đồng, Tiền lãi là: 74.841.106 đồng. Đối với số tiền còn nợ, tại hợp đồng tín dụng HĐTD3002018456 và khế ước nhận nợ số 3002018456/01 ngày 25/5/2018 thì khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 24/02/2022 được nguY đơn chứng minh rõ ràng, gồm: Nợ gốc 220.810.000 đồng; lãi trong hạn là 58.189.626 đồng; lãi quá hạn từ ngày 26/01/2019 đến hết ngày 24/02/2022 là 46.273.079 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018500 ngày 08/6/2018 (hợp đồng thấu chi) theo thỏa thuận bị đơn rút thấu chi với hạn mức 50.000.000 đồng, nhưng sau khi rút đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi nên ngân hàng đã buộc chuyển toàn bộ khoản nợ gốc, lãi của thấu chi sang nhận nợ bắt buộc từ ngày 25/6/2021, số tiền gốc được tính là 68.922.522 đồng, tiền lãi trong hạn từ 25/6/2021 đến 30/6/2021 là 24.548 đồng; lãi quá hạn tính từ 01/7/2021 đến ngày 24/02/2022 là 8.947.654 đồng. Tại khoản 2.7 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018500 ngày 08/6/2018 ghi nhận thỏa thuận “Nếu bên vay không trả lãi thấu chi vào kỳ hạn trả lãi thì toàn bộ số lãi phải trả sẽ được tính tiếp vào số dư khả dụng của hạn mức thấu chi. Khi hạn mức thấu chi bị vượt và bên vay tiếp

tục không trả lãi thấu chi thì hạn mức thấu chi của khách hàng sẽ bị chuyển thành nợ quá hạn sau 10 ngày kể từ ngày hạn mức thấu chi bị vượt, bên vay sẽ phải trả số tiền lãi do chậm trả lãi của hạn mức thấu chi theo quy định tại khoản 2.7 điều 2 của Hợp đồng này”. Như vậy, giữa Ngân hàng TMCP BDLV và bị đơn đã thỏa thuận về việc chuyển toàn bộ tiền lãi thấu chi vào số dư khả dụng của hạn mức thấu chi trong trường hợp không thanh toán lãi thấu chi, do đó việc Ngân hàng đưa ra yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn như trên là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng, điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc, lãi trả theo kỳ theo thỏa thuận và đã nhiều kỳ không thanh toán, do đó nguY đơn khởi kiện có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn theo đề xuất của kiểm sát viên tại phiên tòa, buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguY đơn các khoản còn nợ của hai hợp đồng tín dụng đã nêu là: Nợ gốc: 289.732.522 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 58.214.174 đồng; Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 24/02/2022 là: 55.220.733 đồng. Tổng cộng là: 403.167.429 (Bốn trăm L ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi chín) đồng.

Do ông Y và bà L là vợ chồng, khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, căn cứ điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án buộc ông Y và bà L cùng phải chịu trách nhiệm chung đối với khoản nợ gốc, lãi theo yêu cầu của nguY đơn và tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên số nợ gốc theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/02/2022 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ cho Ngân hàng TMCP BDLV.

Về tiền lãi phạt, tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với việc tính lãi phạt, không yêu cầu bị đơn phải trả, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 26, điều 35, điểm g khoản 1 điều 40; điều 147; điều 184; điều 227; điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429; 463; 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV.

Buộc ông Nguyễn Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Thùy L cùng phải chịu trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP BDLV số tiền gốc 289.732.522 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 58.214.174 đồng; Tiền lãi quá hạn là 55.220.733 đồng. Tổng cộng là: 403.167.429 (Bốn trăm L ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi chín) đồng

Kể từ ngày 25/02/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nợ trên, ông Y, bà L tiếp tục phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018456 và khế ước nhận nợ số 3002018456/01 ngày 25/5/2018; Hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018500 ngày 08/6/2018.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 20.126.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.760.000 (chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng tại biên lai thu số 0001160 ngày 29/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

NguY đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng